

Số: *326*/BDT-CSDT

Kon Tum, ngày *12* tháng 6 năm 2017

V/v hướng dẫn rà soát, xác định đối tượng, nội
dung để xây dựng Đề án thực hiện Quyết định
2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của
Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020; Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020;

Thực hiện Văn bản số 468/UBND-CSDT ngày 26/5/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai xây dựng Đề án Quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1024/VP-KGVX, ngày 02/6/2017. Trong đó, giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan triển khai các nội dung theo đề nghị của Ủy ban Dân tộc tại bản số 468/UBND-CSDT, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 20/6/2017;

Để có cơ sở tổng hợp, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng dự thảo Đề án thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Kon Tum, trình Ủy ban Dân tộc xem xét, cho ý kiến trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Dân tộc phối hợp với các phòng, ban có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn như sau:

1. Về phạm vi đối tượng: Hộ DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã khu vực III, thôn ĐBKk theo hướng dẫn tại điểm a, b, d, khoản 2, Điều 1 của Thông tư số 02/2017/TT-UBND, có trong danh sách hộ nghèo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 về phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm

2016 và Hướng dẫn số 3465/LN:STC-SLĐTBXH ngày 30/12/2016 của liên ngành Sở Tài chính, Sở Lao động - TBXH về việc thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020¹.

- Danh sách các xã khu vực III, thôn ĐBKK xác định theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn ĐBKK, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020.

- Thời điểm xác định nhu cầu hỗ trợ các nội dung của đối tượng hưởng chính sách xác định đến thời điểm tháng 6/2017. Nội dung hỗ trợ được xác định cụ thể đến từng hộ, thôn, xã trên địa bàn và nhu cầu kinh phí hỗ trợ của từng nội dung chính sách.

2. Nội dung chính sách:

Các nội dung hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1, 3, Điều 3 của Quyết định 2085/QĐ-TTg và hướng dẫn tại các Điều 2, 3, 4 của Thông tư 02/TT-UBND.

2.1. Hỗ trợ đất ở:

a. Cơ sở xác định hộ thiếu đất ở:

- Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở. Cụ thể, đối với đất ở tại đô thị theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 1; Đối với đất ở tại nông thôn theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND.

* **Lưu ý:** Đề nghị UBND các huyện chủ động cân đối quỹ đất để giao đất ở cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg; việc giao đất ở phải gắn với phương án làm nhà ở (theo các chương trình hỗ trợ như: Nhà Đại kết, Quyết định 33/QĐ-TTg ngày 10/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ²...) trên diện tích đất được hỗ trợ, tránh tình trạng các hộ được hỗ trợ đất ở nhưng lại không có nhà ở.

b. Mức kinh phí hỗ trợ: Các địa phương tạm thời xác định mức hỗ trợ 01 triệu đồng/hộ để thực hiện việc san tạo nền nhà (*áp dụng theo định mức hỗ trợ san tạo nền nhà của Quyết định 755/QĐ-TTg*). Sau khi các địa phương báo cáo

¹ Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập có mức thu nhập bình quân người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống ở khu vực nông thôn và có mức thu nhập bình quân người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống ở khu vực thành thị).

² Về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)

kết quả rà soát chính thức, Ban Dân tộc sẽ phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh định mức hỗ trợ cụ thể sau.

2.2. Hỗ trợ đất sản xuất:

a. Cơ sở xác định hộ thiếu đất sản xuất: Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh³. Cụ thể: Quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo trên địa bàn tỉnh sống bằng nghề lâm nghiệp, nông nghiệp ở các xã, thôn ĐBKK như sau:

- Hoặc đất rừng sản xuất: 01ha.
- Hoặc đất nương rẫy (bao gồm đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác và đất nông nghiệp khác: 0,5ha.
- Hoặc đất trồng lúa nước 01 vụ: 0,25ha.
- Hoặc đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên: 0,15ha.
- Hoặc đất nuôi trồng thủy sản: 0,25ha.

b. Mức kinh phí hỗ trợ:

- Đối với hộ chưa có đất: Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ từ ngân sách nhà nước và được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Quyết định 2085/QĐ-TTg.

- Đối với hộ thiếu đất: Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội tương ứng với diện tích đất còn thiếu so với mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

***Lưu ý:** Rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ đất sản xuất theo Quyết định 755/QĐ-TTg khi rà soát nhu cầu không sát với thực tế và địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ nhưng vẫn đăng ký nhu cầu nên khi thực hiện không đạt mục tiêu của Đề án. Vì vậy, để tránh trường hợp phải điều chỉnh số liệu nhiều lần, làm ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ cũng như giải ngân nguồn kinh phí được giao, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát kỹ nhu cầu, đảm bảo chắc chắn có quỹ đất tại địa phương để giao cho các hộ dân thụ hưởng chính sách theo nhu cầu trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án. Nếu địa phương không còn quỹ đất để bố trí thì căn cứ danh sách đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất để đề nghị hỗ trợ bằng hình thức chuyển đổi nghề thay thế đất sản xuất.

2.3. Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề:

³ Nội dung này đã được liên ngành thống nhất tại cuộc họp ngày 9/6/2017; trong đó có đề xuất UBND tỉnh cho áp dụng theo quy định tại Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 để xác định hộ thiếu đất sản xuất.

Mức hỗ trợ bằng tiền tối đa 05 triệu đồng/hộ và được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Quyết định 2085/QĐ-TTg. Kinh phí hỗ trợ và vay vốn ngân hàng để chuyển đổi nghề được sử dụng đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ngành nghề không trái pháp luật (như: mua sắm máy móc, công cụ sản xuất, dịch vụ nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán,...) để tạo thu nhập ổn định, lâu dài thay thế thu nhập từ đất sản xuất.

***Lưu ý:** Đối tượng chỉ được thụ hưởng một trong hai nội dung là hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề.

2.4. Hỗ trợ nước sinh hoạt:

- Hộ gia đình thiếu nước sinh hoạt quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Thông tư 02/TT-TBĐT được hỗ trợ bình quân 1,5 triệu đồng/hộ để tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt. Kinh phí hỗ trợ nước sinh hoạt được sử dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của từng thôn, xã và điều kiện sinh hoạt của hộ gia đình như: đào giếng; mua vật dụng dẫn nước, trữ nước đảm bảo nguyên tắc các hộ được hỗ trợ kinh phí phải có nước sinh hoạt ổn định và được bố trí ở khu vực thuận tiện cho sinh hoạt gia đình.

- Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương, có thể tiến hành hỗ trợ theo nhóm hộ trên cơ sở mức hỗ trợ bình quân là 1,5 triệu đồng/hộ để xây dựng những công trình sử dụng chung, nhóm hộ phải tự nguyện, cam kết bảo vệ và duy trì công trình, đảm bảo có nguồn nước ổn định.

2.5. Hỗ trợ bố trí, sắp xếp ổn định dân cư:

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ di dân, thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010, Quyết định 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013. Tổng số dự án ĐCĐC đã được phê duyệt⁴ trên địa bàn tỉnh Kon Tum là 36 dự án (bao gồm 29 dự án ĐCĐC xen ghép và 7 dự án ĐCĐC tập trung). Từ năm 2008 đến 31/12/2016 trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã thực hiện đầu tư được 36/36 dự án ĐCĐC, đạt 100% dự án được phê duyệt theo Quyết định 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 và Quyết định số 1342/QĐ-TTg. ***Vì vậy, các huyện, thành phố không thực hiện việc rà sát, xác định nội dung thực hiện hỗ trợ bố trí, sắp xếp ổn định dân cư theo Quyết định 2085/QĐ-TTg và các Quyết định nêu trên.***

2.6. Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi: Theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 6, Thông tư số 02/2017/TT-UBDT ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

⁴ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ

- Đối tượng vay vốn tín dụng có thể vay một hoặc nhiều lần nhưng tổng dư nợ cho vay không vượt quá mức vay cho vay tối đa áp dụng đối với hộ nghèo trong từng thời kỳ, tại thời điểm hiện nay là 50 triệu đồng/hộ (*Theo Nghị định 78/2002/NĐ-CP*).

***Lưu ý:**

- Việc rà soát nhu vay vốn phải sát thực tế, không đưa vào danh sách những hộ không có nhu cầu vay (già cả, neo đơn,...) hoặc đã được vay từ các chương trình, chính sách khác đã vượt quá mức cho vay tối đa như đã nêu trên (50 triệu đồng/hộ) hoặc không đủ điều kiện vay vốn làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch và giải ngân nguồn vốn sau này.

- Riêng đối với quy định tại khoản 2, Điều 6, Thông tư số 02/2017/TT-UBDT: Đối với những hộ có nhu cầu vay vốn chuyển đổi nghề, nếu đã vay theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP thì không thuộc đối tượng vay theo Quyết định 2085/QĐ-TTg.

(Theo biểu mẫu chi tiết kèm theo)

III. Quy trình xác định đối tượng thụ hưởng chính sách: Quy trình các bước tiến hành rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách: Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định 2085/QĐ-TTg.

IV. Tổ chức thực hiện:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo, giao Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai việc rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo đúng trình tự, thủ tục hồ sơ theo đúng quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-UBDT ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc.

- Khẩn trương rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn, tổng hợp kết quả và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định Quyết định 2085/QĐ-TTg gửi về Ban Dân tộc (*gồm Tờ trình và các biểu mẫu kèm theo*) **trước ngày 18/6/2017** để tổng hợp tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Ủy ban Dân tộc xem xét cho ý kiến trước khi phê duyệt (*gửi kèm file mềm theo địa chỉ hộp thư công vụ: phongcsdt_bdtkontum@cema.gov.vn*).

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bố trí một phần kinh phí hỗ trợ cho cơ quan thường trực cấp huyện để thực hiện việc rà soát, xác định đối tượng ở cơ sở.

Ngoài những nội dung hướng dẫn tại văn bản này, các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ

tướng Chính phủ và Thông tư 02/2017/TT-UBND số 02/2017/TT-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện có những khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc (qua Phòng chính sách Dân tộc, điện thoại: 0603.866126 hoặc 0603.915047) để hướng dẫn hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Dân tộc các huyện, thành phố.
- Lưu: VT-CSDT (Hành).

luu

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



U Minh Nam

BẢNG TỔNG HỢP
Nhu cầu thực hiện chính sách theo Quyết định 2085/QĐ-TTg

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số hộ hưởng các chính sách	Tổng vốn giai đoạn 2016-2020 (NSTW)	Tổng vốn vay	Đất ở			Đất sản xuất						Nước sinh hoạt		Bố trí sắp xếp ổn định dân cư				Vốn NSDP tự đảm bảo	
					Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn hỗ trợ từ NSDP	Hỗ trợ đất sản xuất			Hỗ trợ chuyên đổi			Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Số điểm ĐCĐC		Vốn hỗ trợ từ NSTW		
								Số hộ	Diện tích (Ha)	Vốn hỗ trợ	Vốn vay	Số hộ	Vốn hỗ trợ				Vốn vay	Tập trung			Xen ghép
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	Xã....																				
01	Thôn...																				
-	HỘ A																				
-	HỘ...																				
02	Thôn...																				
-	HỘ B																				
-	HỘ...																				
II	Xã....																				
01	Thôn...																				
-	HỘ A																				
-	HỘ...																				
02	Thôn...																				
-	HỘ B																				
-	HỘ...																				
TỔNG CỘNG																					

* Ghi chú:

- Đối với cấp xã báo cáo chi tiết tới từng hộ, thôn, xã các nội dung hỗ trợ

- Đối với cấp huyện báo cáo chi tiết đến cấp thôn, xã các nội dung hỗ trợ

- Đối với nội dung bố trí, sắp xếp ổn định dân cư (từ cột 18-21): Hiện nay trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã thực hiện hoàn thành các dự án ĐCĐC theo Quyết định 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Quyết định 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 và Quyết định 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, không điều tra số liệu phần này.

